

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc mua sắm 41 loại vắc xin dịch vụ

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội có nhu cầu mua 41 loại vắc xin để phục vụ hoạt động tiêm chủng dịch vụ năm 2026 (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Để có căn cứ xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn đơn vị cung ứng, Trung tâm kính đề nghị các Quý Công ty/đơn vị có khả năng cung ứng vắc xin gửi báo giá sản phẩm của Quý Công ty cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội theo mẫu báo giá gửi kèm.

Hồ sơ báo giá xin gửi qua đường văn thư về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội theo thông tin sau:

- Bản cứng báo giá gửi về: Khoa Dược - Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, số 70 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, thành phố Hà Nội, SĐT: 0243.734.9816

- Bản mềm báo giá xin gửi về địa chỉ email: baogia.dvtyt.cdc@gmail.com

- Thời gian nhận báo giá trước 17h00 ngày 21/01/2026

- Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

1. Thư chào giá theo mẫu báo giá tại phụ lục 2 đính kèm.
2. Catalogue, tính năng kỹ thuật chi tiết của vắc xin.
3. Các tài liệu làm căn cứ phân nhóm vắc xin theo quy định hiện hành.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty/ Đơn vị

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Khoa TTGDSK (để đăng tải);
- Lưu: DVTYT.



Bùi Văn Hào

PHỤ LỤC I

DANH MỤC VẮC XIN

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày ...0.7...tháng ...0.1...năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội)

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn polysaccharid phé cầu khuẩn	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Bơm tiêm/liều	500	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg					
2	Vaxneuvance	Mỗi liều (0,5 ml) chứa 2mcg polysaccharid phé cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4mcg týp huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat	Mỗi liều (0,5 ml) chứa 2mcg polysaccharid phé cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4mcg týp huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/liều	200	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Prevenar 20	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Bơm tiêm/liều	1,300	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)					

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Pneumovax 23	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp/liều	300	
5	IVACTUBER Vắc xin phòng bệnh Lao (BCG)	Mỗi ống (10 liều) chứa: BCG sống, đông khô 0,5mg	0,5mg	Tiêm	Bột đông khô	Ống	350	
6	Rotarix	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 $\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀	$\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀	Uống	Hỗn dịch uống	Ống/liều	500	
7	RotaTeq	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant ; Rotavirus G2 human-bovine reassortant; Rotavirus G3 human-bovine reassortant ; Rotavirus G4 human-bovine reassortant ; Rotavirus P1A[8] human-bovine reassortant	$\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,8$ triệu IU; $\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,0$ triệu IU; $> 2,3$ triệu IU	Uống	Dung dịch uống	Hộp/Tuýp/liều	500	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 10^{3,3}$ PFU	$\geq 10^{3,3}$ PFU	Tiêm	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Hộp/liều	700	
9	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU/1 ϕ	≥ 1350 PFU/1 ϕ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Hộp/L ϕ /liều	500	
10	Menactra	1 liều (0,5 ml): - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và	Tiêm	Thuốc tiêm	L ϕ /liều	100	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		(Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)					
11	Menquadfi	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp/liều	700	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg						
12	VA-MENGOC-BC	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Liều 0,5ml (50mcg + 50mcg)	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	800	
13	Bexsero	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/liều	500	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Typhim Vi	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2)	25mcg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp/Bơm tiêm/liều	300	
15	Gardasil	Vắc xin tái tổ hợp từ giá phòng vi rút HPV ở người týp 6, 11,16,18. Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp từ giá phòng vi-rút HPV ở người týp 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/lo/liều	400	
16	Gardasil -9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Bơm tiêm/liều	4,500	
17	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Ống	2,000	
18	HAVAX	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết <100µg	Mỗi liều 0,5ml chứa Protein bao gồm kháng nguyên virút viêm gan A tinh khiết < 100µg;	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ	100	
19	Avaxim 80 U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Bơm tiêm/liều	400	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
20	Twinrix	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/liều	1,000	
21	Vắc xin Viêm gan B tái tổ hợp Gene-Hbvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết ≈ 10mcg/0,5ml	10µg/0,5ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ/liều	100	
22	Vắc xin Viêm gan B tái tổ hợp Gene-Hbvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết ≈ 20mcg/1ml	20µg/1ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lọ/liều	1,000	
23	Vắc xin Viêm não Nhật Bản-JEVAX	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	500	
24	IMOJEV	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	Mỗi liều 0,5ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2, tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 – 5,8 log PFU	Tiêm	Bột đông khô	Hộp/Lọ/liều	1,000	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
25	M-M-R II	Lọ (0,5 ml): - Vi-rút sởi ≥1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị ≥12.500 CCID50; - Vi rút Rubella ≥1.000 CCID50	Lọ (0,5 ml): - Vi-rút sởi ≥1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị ≥12.500 CCID50; - Vi rút Rubella ≥1.000 CCID50	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ/liều	600	
26	Priorix	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	$\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	Tiêm	Bột vắc xin đông khô	Hộp/liều	1,700	
27	ProQuad	Liều 0,5ml chứa: - Vi-rút sởi ≥ 3,00 log TCID50; - Vi-rút quai bị ≥ 4,30 log TCID50; - Vi-rút Rubella ≥ 3,00 log TCID50; - Vi-rút thủy đậu ≥ 3,99 log PFU	Liều 0,5ml chứa: - Vi-rút sởi ≥ 3,00 log TCID50; - Vi-rút quai bị ≥ 4,30 log TCID50; - Vi-rút Rubella ≥ 3,00 log TCID50; - Vi-rút thủy đậu ≥ 3,99 log PFU	Tiêm	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	Hộp/liều	200	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	TETRAxIM	Vắc xin phối hợp phòng 4 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt	Một liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên: Giải độc tố ho gà 25 microgam, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) ≥ 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Typ 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Typ 3 (chủng Saukett) 32 DU	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Bơm tiêm/liều	300	
29	Hexaxim	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney): 40 đơn vị 40 đơn vị kháng nguyên D, Typ 2 (MEF-1): 8 đơn vị 8 đơn vị kháng nguyên D, Typ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney) 40 đơn vị 40 đơn vị kháng nguyên D, Typ 2 (MEF-1) 8 đơn vị 8 đơn vị kháng nguyên D, Typ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm/liều	700	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		12mcg cộng hợp với protein uồn vản 22-36 mcg.						
30	Infanrix Hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt tít 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt tít 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt tít 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; hoạt (chủng Saukett) 32DU;	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt tít 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt tít 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt tít 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza tít b 10mcg cộng hợp với	Tiêm	Bột đông khô (Hib) và hỗn dịch (DTPa- HBV - IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp/liều	800	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang					
31	Boostrix	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 2\text{IU}$; Giải độc tố uốn ván $\geq 20\text{IU}$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 2\text{IU}$; Giải độc tố uốn ván $\geq 20\text{IU}$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/liều	400	
32	Adacel	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Giải độc tố uốn ván 5 Lf; - Giải độc tố bạch hầu 2 Lf; - Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; FHA 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg;	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/liều	300	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg						
33	Influvac Tetra	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238), A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A), B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26), B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15 mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp/Bơm tiêm/liều	5,000	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
34	Vaxigrip	Trong một liều 0,5ml chứa Virus cúm (vắc-xin dạng mảnh, bất hoạt) gồm các chủng sau: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA	15mcg HA/chủng/0,5ml/liều	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm/liều	3,000	
35	INDIRAB	Kháng nguyên tinh chế từ virus đại chủng Pitman Moore	Mỗi liều 0,5ml chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero) $\geq 2,5$ IU	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ/liều	2,000	
36	Verorab	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/liều	4,500	

STT	Tên vắc xin	Hoạt chất/thành phần	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	IVACRIG	Kháng thể kháng vi rút đại	1000 IU/10 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	1,500	
38	Qdenga	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp/liều	2,000	
39	Shingrix	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp/liều	200	

[illegible]

Phụ lục II:
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời báo giá ngày 07/01/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội)

TÊN CÔNG TY:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.

Công ty Có địa chỉ tại, số đăng ký kinh doanh được cấp bởi
Căn cứ thông báo mời báo giá ngày..... tháng năm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội và khả năng cung ứng của Công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Trung tâm bảng Báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GĐKLH hoặc GPNK (1)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính (2)	Giá kê khai (3)	Đơn giá kê hoạch (Có VAT) (4)	Số lượng	Thành tiền
1																
....																
Tổng tiền:																

Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, chi phí, lệ phí khác.
Các điều khoản: Địa điểm giao hàng, Thời gian giao hàng, phương thức thanh toán
Hiệu lực của báo giá: trong vòng... ngày kể từ ngày ký.

Hà Nội, ngày...tháng...năm 20...
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

Đề nghị Quý công ty phân nhóm và gửi kèm hồ sơ chứng minh, phân nhóm theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân loại trên.
(1) Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ số đăng ký lưu hành của thuốc hoặc số giấy phép nhập khẩu.
(2) Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên, ống, lọ, tuýp, gói, chai,).
(3) Giá kê khai, Đơn giá kê hoạch: Tính theo Đồng Việt Nam (VNĐ), đã có thuế giá trị gia tăng (VAT).
Đơn giá kê hoạch là giá giao thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.